

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2772/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 07 tháng 8 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu Tư vấn lập Đề án thành lập thị trấn Long Giao thuộc huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 29/3/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính quy định quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Báo cáo số 4104/BC-STC ngày 03/8/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu Tư vấn lập Đề án thành lập thị trấn Long Giao thuộc huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai, cụ thể như sau:

1. Tên gói thầu: Tư vấn lập Đề án thành lập thị trấn Long Giao thuộc huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai (Danh mục chi tiết đính kèm).

2. Giá gói thầu khoảng: **1.240.365.000 đồng**, (Bằng chữ: Một tỷ, hai trăm bốn mươi triệu, ba trăm sáu mươi lăm nghìn đồng), đã bao gồm thuế GTGT.

- Giá dùng làm căn cứ đánh giá hồ sơ dự thầu cung cấp gói thầu trên căn cứ giá theo dự toán đã được phê duyệt, nhưng không được lớn hơn giá gói thầu trong quyết định này.



- Các chi phí hợp lý phát sinh trong quá trình mua sắm tài sản, dịch vụ, căn cứ các quy định hiện hành, đơn vị thực hiện quyết toán theo thực tế và đảm bảo chế độ hoá đơn chứng từ đầy đủ.

3. Nguồn kinh phí: Ngân sách huyện Cẩm Mỹ (Quản lý hành chính).

4. Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi, thực hiện qua mạng, lựa chọn nhà thầu trong nước.

5. Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn hai túi hồ sơ (Áp dụng quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 29, Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13).

6. Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý III năm 2020.

7. Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.

8. Thời gian thực hiện hợp đồng: 04 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính, Chủ tịch UBND huyện Cẩm Mỹ và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch và Các Phó Chủ tịch;
- Chánh - Phó Văn phòng;
- Lưu: VT, KTNS.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



(Handwritten signature)

Nguyễn Quốc Hùng



DANH MỤC CHI TIẾT

(Kèm theo Quyết định số 2772 /QĐ-UBND ngày 07/8/2020 của UBND tỉnh)

STT	Thành phần chi phí	Ghi chú	ĐVT	Khối lượng	Thời gian	Giá trị (Vnd)
					thực hiện /lần họp	
I.	Chi phí xây dựng đề án thành lập	Ctv				1.177.533.000
1	Chi phí lương nhân công trực tiếp	Ccg				
-	Chủ nhiệm đề án - chuyên gia thực hiện đề án trên 15 năm kinh nghiệm		Người	1	04 tháng	
-	Chuyên gia thực hiện đề án từ 10 - 15 năm kinh nghiệm		Người	1	04 tháng	
-	Chuyên gia thực hiện đề án từ 5 - 10 năm kinh nghiệm		Người	3	03 tháng	
-	Chuyên gia thực hiện chuyên môn dưới 5 năm kinh nghiệm		Người	6	02 tháng	
2	Chi phí quản lý của đơn vị tư vấn	Cql	$Cql = 55\% \times Ccg$			
3	Chi phí khác của đơn vị tư vấn	Ck				
3.1	Chi phí đi lại của đơn vị tư vấn trong quá trình thực hiện đề án	Ck1				
a	+ Thu thập, khảo sát, phân tích số liệu thông tin xây dựng đề án; đi xe 7 chỗ khoán trọn gói theo tháng (Thuê 01 xe 07 chỗ trong vòng 01 tháng)		Xe	1	2 tháng	
b	+ Chi phí thuê xe đi lại phục vụ cuộc họp tại xã (2 cuộc họp) đi xe 7 chỗ khoán trọn gói theo ngày		Xe	1	2 ngày	
c	+ Chi phí thuê xe đi lại phục vụ các cuộc họp tại huyện (4 cuộc họp) đi xe 7 chỗ khoán trọn gói theo ngày		Xe	1	4 ngày	
d	+ Chi phí thuê xe đi lại phục vụ các cuộc họp tại tỉnh (3 cuộc họp) đi xe 7 chỗ khoán trọn gói theo ngày		Xe	1	3 ngày	
e	+ Chi phí thuê xe đi lại phục vụ cuộc họp khảo sát liên Bộ tại địa phương do BNV chủ trì		Xe	1	1 ngày	
3.2	Chi phí văn phòng phẩm, in hồ sơ, tài liệu phục vụ công việc báo cáo các cấp thẩm quyền, chi phí khấu hao thiết bị, máy tính...	Ck2				
a	Văn phòng phẩm		Trọn gói	11		
b	In photo hồ sơ trình duyệt, báo cáo các cấp (quy cách, số lượng hồ sơ báo cáo các cấp xã, huyện, tỉnh, trung ương theo quy trình thực hiện quy định)					



STT	Thành phần chi phí	Ghi chú	ĐVT	Khối lượng	Thời gian	Giá trị (Vnd)
					thực hiện /lần họp	
b.1	Hồ sơ hợp UBND, BCD và các phòng ban báo cáo về tiến độ xây dựng đề án (dự kiến 15 người)		Bộ	15	4 lần	
b.2	Hồ sơ đề án xin ý kiến các phòng ban ở huyện (gồm 12 phòng ban+Công an+Quân đội và 01 xã dự kiến thành lập thị trấn)		Bộ	15	1 lần	
b.3	Hồ sơ đề án xin ý kiến các sở ngành ở tỉnh (gồm 12 sở, ban ngành cấp tỉnh + Công an + Quân đội)		Bộ	14	1 lần	
b.4	Hồ sơ đề án thông qua hội đồng nhân dân cấp xã (Xã có 28 đại biểu + 07 bộ dự phòng phát sinh đại biểu)		Bộ	35	1 lần	
b.5	Hồ sơ đề án thông qua hội đồng nhân dân huyện (huyện có 38 đại biểu + 07 bộ dự phòng phát sinh đại biểu, khách mời).		Bộ	45	1 lần	
b.6	Hồ sơ đề án thông qua hội đồng nhân dân tỉnh (87 đại biểu + 13 bộ dự phòng)		Bộ	100	1 lần	
b.7	Hồ sơ đề án phục vụ họp khảo sát liên Bộ tại địa phương do BNV chủ trì		Bộ	40	1 lần	
b.8	Hồ sơ đề án gửi Bộ Nội vụ, Chính phủ, Ủy ban Pháp luật của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội.		Bộ	500	1 lần	
b.9	In và hoàn thiện sản phẩm (Hồ sơ lưu trữ các cấp)		Bộ	25	1 lần	
3.3	Chi phí khấu hao thiết bị, máy tính	Ck3				
II.	Chi phí xây dựng bản đồ					62.832.000
1	Chi phí khai thác bản đồ Vektor		Mảnh	52		
2	Chi phí biên tập bản đồ hiện trạng, bản đồ phương án của huyện và bản đồ thành lập thị trấn		Bản đồ	4		
3	In ấn bản đồ:					
3.1	Bản đồ treo các điểm lấy phiếu ở xã thành lập (gồm 01 bản đồ xã trước thành lập, 01 bản đồ xã sau thành lập) Bản đồ A0 in màu;		Bộ	10		
3.2	Bản đồ treo tuyên truyền lấy phiếu tại huyện (Gồm: 01 bản đồ xã trước thành lập, 01 bản đồ xã sau thành lập; 1 bản hiện trạng của huyện, 1 bản phương án). Bản đồ A0 in màu.		Bộ	4		
Tổng giá trị gói thầu (bao gồm VAT): 1.240.365.000 đồng						

(Bảng chữ: Một tỷ, hai trăm bốn mươi triệu, ba trăm sáu mươi lăm nghìn đồng).